

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 8844 /BTC-QLN

Hà nội, ngày 9 tháng 7 năm 2013

Niv cơ chế tài chính CT nước
sạch & VSNT tại 8 tỉnh đồng bằng
sông Hồng do WB tài trợ.

*Chị em? B.A. ở Việt
Tuy làm nước
Tape The*

Kính gửi:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- UBND các tỉnh/thành phố Hà Nội, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hưng Yên, Quảng Ninh, Hà Nam, Thanh Hóa.

Căn cứ Hiệp định Tài trợ số 5176-VN ký ngày 22/2/2013 giữa Hiệp hội Phát triển Quốc tế -IDA thuộc Ngân hàng Thế giới (WB) và Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam tài trợ cho Chương trình "Nước sạch và Vệ sinh nông thôn phương thức dựa trên kết quả tại 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng" (Chương trình);

Căn cứ Nghị định số 78/2010/NĐ-CP ngày 14/7/2010 của Chính phủ về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 79/2010/NĐ-CP ngày 14/7/2010 của Chính phủ về nghiệp vụ quản lý nợ công;

Căn cứ chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 149/VPCP-QHQT ngày 5/01/2013 về việc phê duyệt cơ chế tài chính áp dụng đối với Chương trình theo đề xuất của Bộ Tài chính tại công văn số 17521/BTC-QLN ngày 18/12/2012;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 16/01/2013 của liên Bộ Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước chi cho Chương trình mục tiêu quốc gia Nước sạch và Vệ sinh Môi trường nông thôn giai đoạn 2012-2015;

Căn cứ Thông tư số 108/2007/TT-BTC ngày 7/9/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển chính thức (ODA);

Cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với Chương trình Nước sạch và Vệ sinh nông thôn phương thức dựa trên kết quả tại 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng được thực hiện như sau:

I. Cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với Chương trình

1. Cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với Hợp phần 2 (Cải thiện điều kiện vệ sinh) và Hợp phần 3 (Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát đánh giá và quản lý Chương trình)

Các hoạt động đầu tư xây dựng công trình cấp nước và vệ sinh trong trường học, trạm y tế xã, hỗ trợ truyền thông, tăng cường năng lực, quản lý và giám sát sử dụng vốn vay WB cho các Hợp phần 2 và 3 (thuộc lĩnh vực không có khả năng thu hồi vốn trực tiếp thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước) thực hiện theo cơ chế cấp phát từ Ngân sách nhà nước theo nguyên tắc ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương. Tỷ lệ tài trợ bằng vốn WB tuân thủ các quy định tại Thông tư liên tịch số 04/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 16/01/2013.

2. Cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với Hợp phần 1 (Cải thiện điều kiện cấp nước)

Cơ chế tài chính trong nước đối với hợp phần Cấp nước thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 149/VPCP-QHQT ngày 5/01/2013 về việc phê duyệt cơ chế tài chính áp dụng đối với Chương trình theo đề xuất của Bộ Tài chính tại công văn số 17521/BTC-QLN ngày 18/12/2012 (mục b2, điểm 3, Phần II, Phương thức giải ngân và cơ chế tài chính áp dụng cho Chương trình), cụ thể như sau:

- Nguồn vốn vay WB tài trợ 90% chi phí đầu tư xây dựng công trình cấp nước tập trung của địa phương, trong đó:

* 60% vốn vay được Ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách tỉnh;

* 30% vốn vay do Ủy ban Nhân dân tỉnh vay lại từ Chính phủ theo các điều kiện quy định tại Nghị định 78/2010/NĐ-CP ngày 14/7/2010 của Chính phủ về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ.

- 10% chi phí đầu tư công trình cấp nước tập trung do người sử dụng nước đóng góp.

- Ủy ban Nhân dân tỉnh được huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để tài trợ cho hoạt động cấp nước. Quy trình lựa chọn và xét duyệt các công trình đầu tư thực hiện theo quy định tại Văn kiện Chương trình và các quy định liên quan.

- Các điều kiện cho vay lại cụ thể áp dụng đối với Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh như sau:

+ Người vay lại: Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh;

+ Trị giá vay lại: 30% vốn vay WB đã giải ngân cho tỉnh;

+ Đồng tiền vay lại: USD (đồng tiền WB giải ngân);

+ Lãi suất: 2%/năm;

+ Thời hạn vay: bằng thời hạn Chính phủ vay WB là 25 năm, trong đó có 5 năm ân hạn;

+ Thời điểm nhận nợ: là thời điểm vốn WB giải ngân được Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước chuyển về tài khoản tiếp nhận vốn cấp tỉnh.

II. Hướng dẫn quản lý tài chính đối với Chương trình:

Việc quản lý tài chính đối với Chương trình được thực hiện theo các quy định tại Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật; Thông tư số 108/2007/TT-BTC ngày 7/9/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và các văn bản sửa đổi, bổ sung Thông tư này, cụ thể như sau:

1. Lập, phân bổ và giao dự toán:

Việc lập, quyết định, phân bổ, giao dự toán các nguồn vốn của Chương trình thực hiện theo quy định tại Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước.

- Đối với phần vốn cấp phát (ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương):

+ Hàng năm, vào thời điểm lập dự toán NSNN, các đơn vị được giao thường trực Chương trình P4R lập dự toán chi Chương trình (vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp), chi tiết các hợp phần và tỷ lệ tài trợ theo quy định, gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tổng hợp.

+ Căn cứ khả năng giải ngân trong năm kế hoạch của nhà tài trợ, đề nghị của các địa phương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn xây dựng phương án phân bổ cho từng địa phương (chi tiết vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp) gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền quyết định giao dự toán chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên từ nguồn vốn ngoài nước cho các địa phương để thực hiện Chương trình "Nước sạch và Vệ sinh nông thôn phương thức dựa trên kết quả tại 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng".

+ Căn cứ dự toán chi đầu tư phát triển và chi sự nghiệp được giao hàng năm, UBND các tỉnh/thành phố giao dự toán cho các đơn vị thực hiện, chi tiết theo nguồn vốn đầu tư, sự nghiệp.

- Đối với phần vốn cho vay lại:

+ Khi xây dựng kế hoạch vốn đầu tư phát triển hàng năm, các địa phương lập kế hoạch giải ngân vốn vay lại đối với Hợp phần 1 và trình cùng với kế hoạch vốn đầu tư phát triển.

+ Căn cứ dự toán chi đầu tư phát triển được cấp có thẩm quyền giao hàng năm, UBND các tỉnh/thành phố giao dự toán vốn đầu tư cho các đơn vị thực hiện cùng với kế hoạch vốn cho vay lại đối với Hợp phần 1 theo tỷ lệ cấp phát, cho vay lại quy định.

- Đối với phần vốn đóng góp của ngân sách địa phương (nếu có): việc lập, quyết định, phân bổ, giao dự toán vốn thực hiện theo quy định hiện hành./

2. Thủ tục rút vốn và quản lý rút vốn:

a) Mở tài khoản:

- Bộ Tài chính mở một Tài khoản ngoại tệ (đồng USD) tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Sở Giao dịch) để tiếp nhận vốn WB giải ngân cho Chương trình.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn mở một tài khoản VNĐ tại Sở Giao dịch Kho bạc Nhà nước để tiếp nhận vốn vay WB;

- Đơn vị được Ủy ban Nhân dân tỉnh/thành phố giao trách nhiệm thường trực Chương trình P4R tại địa phương mở một tài khoản nguồn bằng VNĐ tại Kho bạc Nhà nước tại địa bàn để tiếp nhận số tiền VNĐ quy đổi từ vốn WB giải ngân để chi cho các hợp phần của Chương trình.

b) Rút vốn:

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập Đơn rút vốn theo quy định tại thỏa thuận vay WB. WB giải ngân về Tài khoản Ngoại tệ của Chương trình.

c) Cơ chế chuyển vốn:

- Căn cứ đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, thông báo giao dự toán vốn ngoài nước cho Chương trình của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và của từng địa phương, căn cứ kế hoạch sử dụng vốn của các cơ quan tham gia Chương trình, Bộ Tài chính đề nghị Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) mua lại ngoại tệ, chuyển tiền Đồng Việt Nam về tài khoản của các đơn vị mở tại hệ thống Kho bạc Nhà nước.

- Các địa phương tham gia Chương trình nhận số tiền VNĐ quy đổi từ số vốn ngoại tệ do WB giải ngân cho các hợp phần của dự án để chi cho các hoạt động thuộc cơ chế cấp phát và cho vay lại.

- Việc chi tiêu từ nguồn vốn WB được thực hiện thông qua hệ thống Kho bạc Nhà nước theo phương thức kiểm soát chi trước, tuân thủ các quy định tại Hiệp định Tài trợ số 5176-VN và các quy định về quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

d) Hoàn trả tiền cho WB:

Trường hợp phải hoàn trả tiền cho WB (do không sử dụng hết, do không đạt các chỉ số giải ngân thỏa thuận với nhà tài trợ...), các đơn vị phải hoàn trả có trách nhiệm bố trí đủ số ngoại tệ theo yêu cầu để hoàn trả theo yêu cầu và chỉ dẫn của WB. Chênh lệch tỷ giá so với thời điểm nhận vốn giải ngân do đơn vị hoàn trả tự trang trải.

3. Hạch toán NSNN:

Đối với phần vốn cấp phát, Bộ Tài chính thực hiện ghi thu NSNN, ghi chi hỗ trợ ngân sách có mục tiêu cho các địa phương và cấp phát cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn theo quy định tại Thông tư số 107/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung một số điểm về quản lý, điều hành ngân sách Nhà nước, Quyết định số 2752/QĐ-BTC ngày 6/11/2009 của Bộ Tài chính ban hành quy chế ghi chép, hạch toán kế toán các khoản vay, viện trợ, trả nợ nước ngoài của Chính phủ trong điều kiện vận hành TABMIS và các quy định khác có liên quan. Đối với phần vốn vay lại, Bộ Tài chính làm thủ

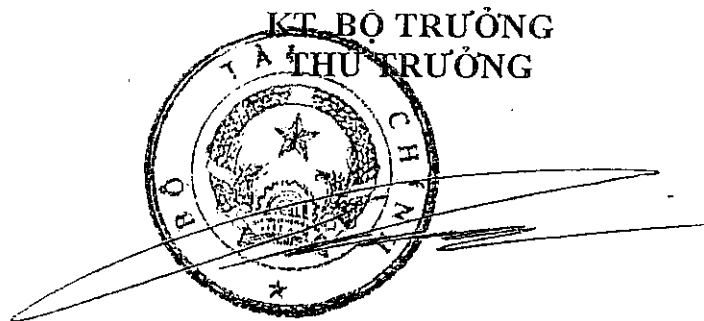
tục ghi thu NSNN, ghi chi cho vay lại cho địa phương theo quy định tại Quyết định số 2752/QĐ-BTC ngày 6/11/2009 của Bộ Tài chính.

Để thực hiện ghi thu, ghi chi NSNN, trong vòng 15 ngày lịch kể từ khi kết thúc quý, các cơ quan, đơn vị tiếp nhận vốn có trách nhiệm lập báo cáo chi tiêu nguồn vốn WB gửi Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính Đối ngoại). Báo cáo chi tiêu cần thể hiện số tiền vốn vay WB và ngày tiếp nhận, chi tiết ngày, nội dung giao dịch, mục lục ngân sách, hợp phần thuộc Chương trình, có xác nhận của KBNN nơi giao dịch. Báo cáo này được chi tiết theo từng nguồn vốn xây dựng cơ bản, hành chính sự nghiệp, cho vay lại.

Hết năm kế hoạch, nếu vốn thực hiện Chương trình từ nguồn vốn vay WB chưa sử dụng hết, các cơ quan, đơn vị được tiếp tục sử dụng cho các hoạt động của Chương trình vào năm sau, không được sử dụng cho mục tiêu khác. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ KH&ĐT;
- KBNN;
- Vụ NSNN;
- Vụ HCSN;
- Vụ ĐT;
- Lưu VT, QLNN (20).



Trương Chí Trung

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

Số: 271 /SY-UBND

Nơi nhận:

- CT các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính, KH&ĐT, NN&PTNT, TN&MT;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- TM3, NLN, XD;
- Lưu: VT, TM3.

20 bản-SL08

SAO Y BẢN CHÍNH
Hạ Long, ngày 22/7/2013
TL. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG



Lê Như Thiều